

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-ST

Ngày 14 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đồng Huy Hào

2. Ông Trịnh Duy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2022/TLST-HS ngày 29/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 31/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Văn B, sinh năm 1990 tại xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKTT: Tiểu khu N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn V; con bà Lê Thị X; có vợ Lê Thị Hà Tr, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/02/2009, bị Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính, mức phạt 3.000.000đ về hành vi “Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ” mà không có giấy phép theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ngày 13/5/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” và 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST. Hiện Trương Văn B là phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an. Bị cáo bị tạm giữ trong vụ án này 09 ngày (từ ngày 08/10/2015 đến ngày 17/10/2015) thì được trả tự do. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Công (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lê Anh D**, sinh năm 1992 tại xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D; con bà Bùi Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị Điệp Nh, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 08/10/2015 đến ngày 17/10/2015) thì được trả tự do. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Trương Văn V, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Lê Thị P, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 50 phút ngày 08/10/2015, Tổ Công tác đội CSGT số 2, phòng PC67, Công an tỉnh Thanh Hóa đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát giao thông trên tuyến Quốc lộ 45 thuộc địa phận thôn Q, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện xe ô tô Biển kiểm soát 36A - 045.73 di chuyển theo hướng thành phố Thanh Hóa đi huyện Nông Cống có biểu hiện nghi vấn nên đã ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra xác định người lái xe tên là Trương Văn B, sinh năm 1990 trú tại thị trấn C, huyện C, người ngồi ghế phụ phía trước tên là Lê Anh D, sinh năm 1992 trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác đã yêu cầu kiểm tra xe, phát hiện trong ngăn đựng đồ trước mặt Lê Anh D có 02 gói nilon màu trắng gồm: 01 (một) túi nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể và 01 (một) túi nilon chứa các viên nén màu trắng, kích thước, hình dạng khác nhau nghi là ma túy. Trương Văn B và Lê Anh D khai nhận đó là 02 gói ma túy tổng hợp (gồm: 01 “áo” Ketamine và 5,5 viên thuốc lắc) mà B và D vừa mua được ở khu vực gần Tòa án thành phố Thanh Hóa với giá 2.250.000 đồng, mục đích mang về để sử dụng. Tổ Công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trương Văn B và Lê Anh D, niêm phong số ma túy thu giữ được, ký hiệu M. Đồng thời thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) xe ô tô màu đen BKS 36A-045.73, nhãn hiệu LACETTI, hãng xe CHEVROLET; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn B; 01 (một) điện thoại Iphone có số Imei: 354434061220638, 01 (một) điện thoại Nokia màu đen đã cũ và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) của Trương Văn B; 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh đen đã cũ của Lê Anh D. Sau đó, Tổ công tác đã bàn giao hồ sơ, đối tượng, vật chứng cho Cơ quan CSĐT (phòng PC47) Công an tỉnh Thanh Hóa để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 09/10/2015, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra quyết định trưng cầu giám định số 605, yêu cầu trung tâm giám định ma túy - Viện khoa học hình sự, Bộ Công an giám định đối với số ma túy thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định số 9557/C54 (TT2) ngày 30/10/2015 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong túi nilon gửi giám định có thành phần Ketamine, trọng lượng: 0,815 gam; hàm lượng: 53,6 %.

- Các viên nén màu trắng trong túi nilon gửi giám định đều có thành phần MDMA, tổng trọng lượng 1,275 gam; hàm lượng trung bình 29,4%.

Ketamine nằm trong Danh mục III, STT: 35; MDMA nằm trong Danh mục I, STT: 22, Nghị định 82/2013/ NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra Trương Văn B và Lê Anh D khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 08/10/2015, Trương Văn B và Lê Anh D cùng đi dự đám rước của anh T người ở thị trấn C. Sau khi dự lễ rước xong anh T có mời B, D và một số người bạn đi hát tại quán Karaoke ở thị trấn B, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi hát được một lúc B rủ D đi ra thành phố Thanh Hóa để mua ma túy về sử dụng thì D đồng ý. Khi đi B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36A - 045.73 còn D ngồi bên ghế phụ phía trước. Đến khoảng 12 giờ thì B và D đi đến thành phố Thanh Hóa, sau đó cả hai cùng vào quán cơm rang cạnh Siêu thị Coopmart để ăn cơm. Ăn cơm xong, B sử dụng điện thoại di động liên hệ với một người tên C (Cả B và D đều chỉ biết tên mà không biết họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ của người này) để hỏi mua 05 (năm) viên ma túy kẹo (thuốc lắc) và 01 (một) áo Ke (ma túy Ketamine) thì được người này đồng ý bán và hẹn gặp nhau ở trước cổng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa (phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa) để giao dịch mua bán. Sau đó, B điều khiển xe ô tô chở D ngồi ghế phụ phía trước đi đến điểm hẹn. Khi đi đến nơi thì thấy C chạy lại gõ cửa xe bên lái nên B hạ kính xe ô tô bên tay trái xuống, C đưa cho B hai túi nilon, trong đó 01 (một) túi nilon đựng chất màu trắng dạng tinh thể là Ketamine và một túi nilon đựng 5,5 viên kẹo (thuốc lắc). B hỏi C bao nhiêu tiền thì C nói 2.250.000 đồng. B cầm số ma túy trên bỏ vào hộp để đồ ở giữa ghế lái và ghế phụ rồi đưa cho C 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, B điều khiển xe ô tô chở D đi về huyện Nông Cống. Trên đường đi, do sợ bị phát hiện nên D đã lấy hai túi ma túy cất vào trong túi đựng đĩa nhạc (đĩa CD) và để vào ngăn đựng đồ phía trước ghế phụ nơi D đang ngồi. Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày khi B và D đi đến địa phận thôn Q, xã S, huyện C thì bị Tổ công tác đội CSGT số 2, phòng PC67, Công an tỉnh Thanh Hóa yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện và thu giữ 02 gói ma túy trong ngăn đựng đồ phía trước ghế phụ mà B và D đã mua được trước đó. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong số ma túy thu giữ được theo đúng quy định.

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa Trương Văn B và Lê Anh D đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Các bị can khai nhận số ma túy mà

phòng PC67, Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu giữ tại ngăn đựng đồ phía trước ghế phụ của xe ô tô Biển kiểm soát 36A - 045.73 là ma túy mà Trương Văn B đã mua trước đó để sử dụng nhưng không thống nhất được việc ai là người đã bấm số điện thoại gọi cho Cường. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành kiểm tra 03 (ba) chiếc điện thoại đã thu giữ của B và D xác định: 02 (hai) chiếc điện thoại Nokia loại bàn phím cứng của các bị cáo không gắn thẻ Sim, không có nội dung liên quan đến việc tàng trữ trái phép chất ma túy; 01 chiếc điện thoại Iphone, màu vàng thu giữ của Trương Văn B đã cài mật khẩu, bị cáo cũng không nhớ mật khẩu nên không mở kiểm tra được. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

* Đối với người đàn ông tên C là người đã bán ma túy cho B ở thành phố Thanh Hóa. Quá trình điều tra, B và D khai nhận không biết họ tên đầy đủ, chỉ biết tên là C và không rõ địa chỉ ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ để xử lý.

+ Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe ô tô màu đen biển kiểm soát 36A - 045.73 nhãn hiệu LACETTI, thuộc hãng xe CHEVROLET mà Trương Văn B sử dụng để đi mua, tàng trữ ma túy là xe B mượn của ông Trương Văn V, sinh năm 1963, trú tại thị trấn C, huyện C (là bố đẻ Trương Văn B). Ông V không biết Trương Văn B mượn xe để đi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho ông V.

- Đối với 01 (một) phong bì do Viện khoa học hình sự - Bộ Công an phát hành. Mặt trước ghi số: 9557/C54 (TT2). Mặt sau được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi tên GĐV Đặng Thị Thủy và các hình dấu của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, có số IMEL: 354434061226638; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím cơ; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím cơ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn B; Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Số vật chứng kê trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSNC ngày 29/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trương Văn B và Lê Anh D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với cả hai bị cáo (áp dụng thêm: Khoản 1 Điều 56 BLHS đối với Trương Văn B và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Lê Anh D)

Xử phạt Trương Văn B mức án từ 16 đến 20. tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 13/5/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ và thời hạn đã chấp hành án cho bị cáo.

Xử phạt Lê Anh D mức án từ 12 đến 15 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, có số IMEL: 354434061226638 đã qua sử dụng của Trương Văn B; đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím cơ của Lê Anh D; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím cơ, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn B và Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) của Trương Văn B không phải là vật chứng nên trả lại cho Lê Anh D và Trương Văn B. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được: Vào hồi 14 giờ 50 phút ngày 08/10/2015 tại Km2 Quốc lộ 45 thuộc địa phận thôn Q, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác Phòng PC67 Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang Trương Văn B, sinh năm 1990 trú tại tiểu khu N, thị trấn C, huyện C và Lê Anh D, sinh năm 1992 trú tại thôn X, xã Y, huyện C về hành vi tàng trữ trái phép 0,815g (Không phải tám một năm gam) Ketamine và 1,275g (Một phẩy hai bảy năm gam) MDMA mục đích để sử dụng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng thu được, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Các tội phạm về ma túy đang là vấn nạn trong đời sống xã hội, làm tha hoá về mặt đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ tầng lớp thanh thiếu niên, là một trong những

nguyên nhân làm gia tăng tình hình tội phạm và các loại tệ nạn khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung. Hành vi tàng trữ trái phép 0,815g (Không phẩy tám một năm gam) Ketamine, hàm lượng: 53,6% và 1,275g (Một phẩy hai bảy năm gam) MDMA, hàm lượng trung bình 29,4% (theo kết luận giám định) của Trương Văn B và Lê Anh D là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, mặc dù các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo vẫn thực hiện. Với tổng hàm lượng MDMA và Ketamine mà các bị cáo tàng trữ dưới 100% vì vậy hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tuy nhiên, do hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra ngày 10/8/2015 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật nhưng theo Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 nên HĐXX áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 để xét xử các bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là chính xác.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cho từng người, mà cùng thống nhất ý chí và cùng hành động. Trong vụ án Trương Văn B là người khởi xướng, rủ Lê Anh D đi mua ma túy về sử dụng, chuẩn bị tiền mua ma túy, trực tiếp giao dịch mua ma túy với người bán nên B giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với Lê Anh D được Trương Văn B rủ đi thành phố Thanh Hóa để mua ma túy về sử dụng thì đồng ý đi cùng. Sau khi mua được ma túy, trên đường về D là người lấy túi ma túy bỏ vào trong túi đựng đĩa CD và cất giấu vào trong cốp đựng đồ phía trước ghế phụ nên phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

[5] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo D tích cực tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo (ngày 10/4/2022, đã ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam DIOXIN xã Y, huyện C) nên áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo Trương Văn B là người có nhân thân xấu, đã từng bị Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ”; hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại số 5, Trại giam Thanh Phong, Cục C10, Bộ Công an với hình phạt 08 năm

tù về tội “Giết người” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo Lê Anh D là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 BLHS đối với cả hai bị cáo (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Lê Anh D), xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Trương Văn B hiện đang chấp hành hình phạt 08 (Tám) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung và trừ đi thời gian đã chấp hành án cho bị cáo. Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo Trương Văn B để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án gồm:

- Đối với 01 phong bì, niêm phong, do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, có số IMEL: 354434061226638 đã qua sử dụng của Trương Văn B là công cụ phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím cơ của Lê Anh D; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím cơ; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn B và Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) không phải là vật chứng nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Lê Anh D và Trương Văn B.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn B và Lê Anh D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS đối với cả hai bị cáo, (áp dụng thêm: Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Lê Anh D; khoản 1 Điều 56 BLHS và Điều 329 BLTTHS đối với Trương Văn B):

Xử phạt: Trương Văn B 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt 08 (Tám) năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HSST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 (Chín) năm 04 (Bốn) tháng tù. Được trừ thời gian tạm giữ và thời gian đã chấp hành án của bản án số 48/2020/HSST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa là: 39 (Ba mươi chín) tháng 19 (Mười chín) ngày, trong đó 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 08/10/2015 đến ngày 17/10/2015) và 39 (Ba mươi chín) tháng 10 (Mười) ngày chấp hành án (từ ngày 04/6/2019 đến ngày 14/9/2022). Bị cáo còn phải chấp hành thời gian còn lại là 06 (Sáu) năm 11 (Mười một) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2022). Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xử phạt: Lê Anh D 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 08/10/2015 đến ngày 17/10/2015). Bị cáo còn phải chấp hành thời gian còn lại là 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, có số IMEL: 354434061226638 đã qua sử dụng của Trương Văn Bình.

- Trả lại cho Lê Anh D 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu xanh, loại bàn phím cơ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Trương Văn B 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím cơ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trương Văn B và 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Vật chứng của vụ án được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống lập ngày 01/8/2022.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và

sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Trương Văn B, Lê Anh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Xuân Tuyên

